

BỘ GIÁO DỤC
Số: 36/GD-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 1976

THÔNG TƯ

CỦA BỘ GIÁO DỤC SỐ 36/GD-TT NGÀY 29-12-1976 HƯỚNG DẪN
XẾP LƯƠNG CHO GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG, CÔNG NHÂN,
VIÊN CHỨC MỚI GIẢI PHÓNG ĐƯỢC TUYỂN DỤNG CHÍNH THỨC

Thi hành Quyết định số 87-TTg-B ngày 20-8-1976 và Quyết định số 435-TTg ngày 30-10-1976 của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ Thông tư liên Bộ Giáo dục - Nội vụ số 10/TT-LB ngày 09-9-1976 và Thông tư số 20/TT-LB ngày 08-11-1976 của Bộ Lao động về việc tuyển dụng và trả lương cho công nhân, viên chức mới được giải phóng đang làm việc ở các cơ quan hành chính sự nghiệp ở miền Nam.

Bộ Giáo dục hướng dẫn xếp lương cho giáo viên phổ thông và công nhân, viên chức mới giải phóng được tuyển dụng chính thức đang công tác trong ngành giáo dục tại các tỉnh, thành phố và các cơ sở trường học ở phía Nam trực thuộc Bộ Giáo dục như sau

:

A- NGUYÊN TẮC XẾP LƯƠNG

- Sử dụng các bảng lương và vận dụng các quy định về xếp lương hiện hành cho giáo viên và công nhân, viên chức mới giải phóng được tuyển dụng chính thức.
- Việc xếp lương phải căn cứ vào ngành nghề đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thể hiện trên kết quả công tác đạt được qua việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Bảo đảm sự hướng dẫn thống nhất của Bộ, nắm vững và thực hiện thống nhất chế độ xếp lương đã quy định; thực hiện đúng đắn trách nhiệm và quyền hạn được phân cấp.

B- ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN XẾP LƯƠNG

I- ĐỐI TƯỢNG XẾP LƯƠNG

Giáo viên phổ thông các cấp và công nhân viên chức mới giải phóng đã được tuyển dụng chính thức theo quyết định số 87-TTg-B ngày 20-8-1976 và quyết định số 435/TTg ngày 30-10-1976 của Thủ tướng Chính phủ. Thông tư hướng dẫn số 10-TT-LB ngày 9-9-1976 của Liên Bộ Giáo dục - Nội vụ và Thông tư số 20/TT-LB ngày 8-11-1976 của Bộ Lao động.

II- TIÊU CHUẨN XẾP LƯƠNG

Việc xếp lương cho giáo viên và công nhân viên chức mới giải phóng được tuyển dụng phải theo những tiêu chuẩn chung:

- Tinh thần thái độ công tác, ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật.
- Ngành nghề đào tạo, khả năng công tác, khả năng giảng dạy và nhiệm vụ được giao.
- Kết quả giảng dạy và công tác từ khi được sử dụng đến nay.

Tiêu chuẩn cụ thể đối với giáo viên từng cấp và công nhân viên chức như sau:

1. Giáo viên cấp III:

a) Được công nhận giáo viên cấp III, những người có đủ điều kiện sau:

- Về nhiệm vụ: Được phân công chính thức dạy ở các lớp cấp III (lớp 10, 11, 12) và có trình độ dạy cấp III. Trường hợp được phân công dạy cả cấp II-III thì số giờ dạy cấp III phải là chủ yếu.
- Về trình độ và văn bằng: Có 1 trong những văn bằng đại học sau:
 - Đã tốt nghiệp ngành "giáo sư đệ nhị cấp" tại các trường Đại học sư phạm.
 - Có bằng cử nhân giáo khoa (khoa học hay văn khoa) hay 1 văn bằng cử nhân khoa học ứng dụng khác. (Ví dụ: Cử nhân khoa học ứng dụng ban Sinh hoá được tuyển dụng để dạy sinh vật).
- Những người có bằng cử nhân tự do, đã kinh qua giảng dạy nhiều năm ở các lớp cấp III các trường công lập hoặc tư thục, hay được công nhận đủ trình độ dạy cấp III.

b) Tiêu chuẩn xếp bậc:

Những giáo viên được tuyển dụng và công nhận giáo viên cấp III chính thức (đủ điều kiện quy định tại điểm 1a trên) được xét xếp các bậc lương trong bảng lương giáo viên cấp III (bậc khởi điểm: 55đ - 60đ, bậc 1: 65đ, bậc 2: 75đ, bậc 3: 85 đ, bậc 4: 100đ, bậc 5: 115đ).

Bậc lương 55đ: Những người có bằng cử nhân tự do, đủ trình độ dạy cấp III.

Bậc lương 60đ: Những người đã tốt nghiệp "ngành giáo sư đệ nhị cấp" tại các trường đại học sư phạm và những người có bằng cử nhân giáo khoa, cử nhân khoa học ứng dụng.

Bậc lương 65đ: Những giáo viên cấp III, đủ trình độ và văn bằng quy định tại điểm 1a trên, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực công tác.

Những bậc trên tiếp theo: (75đ - 85đ-100đ-115đ).

Giáo viên cấp III được xếp vào các bậc trên tiếp theo phải là những giáo viên hăng hái nhiệt tình công tác, có ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao, và có kinh nghiệm giảng dạy.

c) Những giáo viên chưa đủ điều kiện văn bằng và trình độ quy định dạy cấp III, do yêu cầu được tạm thời cử dạy cấp III thì xếp lương giáo viên cấp II (nói tại điểm 2a sau) và trước mắt được hưởng phụ cấp dạy kê quy định tại Quyết định số 708/QĐ ngày 10-9-1962 của Bộ Giáo dục.

2. Giáo viên cấp II:

a) Được công nhận giáo viên cấp II, những người có đủ điều kiện sau:

- Về nhiệm vụ: Được phân công chính thức dạy ở các lớp cấp II (lớp 6, 7, 8, 9).

- Về trình độ và văn bằng: Có 1 trong những văn bằng trung học sư phạm như sau:

1. Tốt nghiệp ngành "trung học đệ nhất cấp" Đại học sư phạm công lập, hoặc Ban "trung học đệ nhất cấp" Đại học sư phạm tư thục với điều kiện tuyển học là tú tài 2 và 2 năm học.

2. Có văn bằng tú tài 2 và 2 năm 2 phạm trung cấp.

3. Có văn bằng tú tài 2 và bằng khả năng sư phạm trung cấp.

4. Có văn bằng tú tài 2 và 2 chứng chỉ đại học trở lên, trong đó có 1 chứng chỉ đại học phải phục vụ được cho yêu cầu bộ môn đang giảng dạy kể cả ngoại ngữ Anh, Pháp.

5. Có văn bằng tú tài 2, nhưng trước đây vì hoàn cảnh nào đó không qua lớp đào tạo sư phạm, nhưng đã kinh qua giảng dạy ở các lớp cấp II công lập hoặc tư thục, nay có đủ trình độ dạy cấp II.

b) Tiêu chuẩn xếp bậc.

Những giáo viên được tuyển dụng và công nhận giáo viên cấp II chính thức (đủ điều kiện quy định tại điểm 2a trên) được xét xếp các bậc lương trong bảng lương giáo viên cấp II. (Bậc khởi điểm: 45đ, bậc 1: 50đ, bậc 2: 58đ, bậc 3: 68đ, bậc 4: 78đ, bậc 5: 88đ).

Bậc lương 45đ: Những giáo viên có bằng tú tài 2 không qua lớp sư phạm (nói ở điểm 5-2a văn bằng), đủ trình độ dạy cấp II.

Bậc lương 50đ: Những giáo viên có điều kiện trình độ văn bằng quy định (ở mục 1, 2, 3, 4 - 2a văn bằng) có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực công tác.

Những bậc trên tiếp theo: (58đ, 68đ, 78đ, 88đ).

Giáo viên cấp II được xếp vào các bậc trên tiếp theo (58đ, 68đ, 78đ, 88đ) phải là những giáo viên hăng hái nhiệt tình công tác, có ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao, và có kinh nghiệm giảng dạy.

c) Những giáo viên chưa đủ điều kiện văn bằng dạy cấp II, do yêu cầu được tạm thời cử dạy cấp II thì xếp lương giáo viên cấp I (nói tại điểm 3 sau) và trước mắt được hưởng phụ cấp dạy kê quy định tại quyết định số 708/QĐ, ngày 10-9-1962 của Bộ Giáo dục.

Riêng giáo học cấp bổ túc có bằng tú tài 2 (hoặc tú tài 1) đã tốt nghiệp "trường Quốc gia sư phạm" hệ 2 năm, nếu được cử dạy cấp II thì xếp vào bậc lương 50đ không có phụ cấp dạy kê.

3. Giáo viên cấp I:

Được công nhận giáo viên cấp I những giáo viên các "ngạch" sau đây được tuyển dụng dạy cấp I:

- Giáo học cấp bổ túc,
- Giáo viên tiểu học,
- Giáo viên sơ cấp, giáo viên công nhật ngoại ngạch hàng Bộ Giáo dục, B2, giáo viên áp, giáo viên tư thực công lập hoá có bằng "trung học đệ nhất cấp" trở lên.
- Và giáo viên chưa có trình độ "trung học đệ nhất cấp" hiện nay dạy các lớp 1, 2, 3...

b) Tiêu chuẩn xếp bậc:

Những giáo viên được tuyển dụng và công nhận giáo viên cấp I được xếp bậc như sau:

- Giáo viên cấp I trình độ sơ cấp xếp các bậc: 40đ, 47 đ, 54đ, 62đ, 72đ.
- Giáo viên cấp I trình độ trung cấp xếp các bậc: 45đ, 50đ, 58đ, 68đ, 78đ, 88đ.
- Giáo viên cấp I chưa có trình độ "trung học đệ nhất cấp" xếp vào bảng lương: 36đ, 41đ, 47đ, 53đ, 60đ.

Cụ thể:

1. Xếp bậc lương giáo viên cấp I có trình độ sơ cấp:

Bậc lương 40đ: Những giáo viên cấp I có bằng trung học đệ nhất cấp và tú tài 1.

Bậc lương 47đ: Những giáo viên cấp I có bằng trung học đệ nhất cấp và tú tài 1, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực công tác, bảo đảm giảng dạy được chương trình toàn cấp I.

Các bậc trên tiếp theo: (54đ, 62đ, 72đ).

Giáo viên cấp I có bằng trung học đệ nhất cấp và tú tài 1 được xếp vào các bậc này phải là những người hăng hái nhiệt tình công tác, có ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao và có kinh nghiệm giảng dạy.

2. Xếp bậc lương giáo viên cấp I có trình độ trung cấp.

Bậc lương 45đ: Giáo viên cấp I có trình độ:

- Tú tài 2, hoặc tú tài 1 học sư phạm cấp tốc
- Tú tài 1 và 1 năm học sư phạm (9 tháng)
- Giáo viên thi trượt sư phạm "đào tạo giáo học cấp bổ túc" mà điều kiện tuyển sinh là tú tài 2 vào học 2 năm.

Bậc lương 50đ: Giáo viên cấp I có bằng tú tài 2 (hoặc tú tài 1) đã tốt nghiệp trường "Quốc gia sư phạm" hệ 2 năm (giáo học cấp bổ túc).

- Giáo viên cấp I có bằng tú tài 2 và có từ 2 chứng chỉ đại học trở lên.

Các bậc trên tiếp theo: (58đ, 68đ, 78đ, 88đ).

Giáo viên cấp I trong "ngạch" giáo học cấp bổ túc hoặc giáo viên tiểu học có bằng tú tài 2 trở lên được xếp vào các bậc này phải là những giáo viên: hăng hái nhiệt tình công tác, có ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao và có kinh nghiệm giảng dạy.

3. Xếp bậc lương giáo viên cấp I chưa có trình độ "trung học đệ nhất cấp" (36đ, 41đ, 47đ, 53đ, 60đ).

Bậc lương 36đ: Những giáo viên chỉ dạy được các lớp 1, 2 giảng dạy còn yếu, nhưng có tích cực cố gắng.

Bậc lương 41đ: Những giáo viên dạy được các lớp 1,2, 3 giảng dạy được, có khả năng phụ trách 1 lớp học đạt yêu cầu, ít nhiều có kinh nghiệm trong nghiệp vụ sư phạm.

Những bậc trên tiếp theo (47đ, 53đ, 60đ).

Phải là những giáo viên có kinh nghiệm trong nghề nghiệp, nhiệt tình công tác và giảng dạy, có ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao.